TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NAM** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2020/HS-ST
Ngày 06-11-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM

- Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Công Định
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Ngọc Giới
Ông Nguyễn Xuân Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai- Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 62/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 09 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2020/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Văn D**, sinh năm 1990; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố M, thị trấn N, huyện YD, tỉnh BG; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn Giáo: Không; Văn hoá: 5/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Ngụy Đình Th, sinh năm 1970 và con bà Trần Thị H, sinh năm 1971; Vợ: Vi Thị N, sinh năm 1989; Con: Bị cáo có hai con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2018.

- Tiền sự: Ngày 03/9/2019 bị Công an huyện Yên D1 xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Trộm cắp tài sản".

- Tiền án: Tại Bản án số 57/2019/HSST ngày 22/10/2019, Tòa án nhân dân huyện Yên D1, tỉnh Bắc Giang xử phạt 05 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (là xe mô tô trị giá 12.678.000 đồng). Ngày 22/02/2020 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/6/2020 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Có mặt tại phiên tòa

2. Họ và tên: **Nguyễn Tuấn A**, sinh năm 1993; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố M, thị trấn N, huyện YD, tỉnh BG; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn Giáo: Không; Văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1952 và con bà Trần Thị P, sinh năm 1968; Bị cáo chưa có vợ và con.

- Tiền án: Tại Bản án số 60/2019/HSST ngày 07/6/2019, Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, về tội "Trộm cắp tài sản" (là xe mô tô trị giá 18.219.320 đồng).

- Tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/6/2020 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Lục Nam. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện LN, tỉnh BG.

- Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện LN, tỉnh BG.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị P, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố M, TT N, huyện YD, tỉnh BG.

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Văn Khiêm, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện LN, tỉnh BG

- Anh Nguyễn Văn Quỳnh, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Thôn A, xã K, huyện LN, tỉnh BG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn D, sinh năm 1990 và Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1993 cùng trú tại tổ dân phố M, thị trấn N, huyện YD, tỉnh BG là anh em họ và đều có tiền án về tội "Trộm cắp tài sản". Trong các ngày 07/5/2020 và 03/6/2020, Trần Văn D và Nguyễn Tuấn A cùng nhau thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 07 giờ ngày 07/5/2020, Nguyễn Tuấn A đến nhà Trần Văn D. Sau đó D rủ Tuấn A đi huyện Lục Nam chơi, Tuấn A đồng ý. D lấy xe mô tô nhãn hiệu Angel, BKS 98H9-4148 của chị Trần Thanh H, sinh năm 1980, trú tại Tiểu Khu 2, thị trấn N, huyện YD, tỉnh BG để nhờ ở nhà D để chở Tuấn A (chị Hảo là dì của D và Tuấn A). Khoảng 08 giờ cùng ngày, khi D và Tuấn A đi đến đường đê cánh đồng Dộc Tuyền thuộc thôn L, xã L, huyện LN thì phát hiện thấy xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE, màu sơn xanh, đen, bạc, BKS 98B2-245.96 của chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1975, trú tại thôn Lan Hoa, xã Lan Mẫu, huyện Lục Nam đang để ở rìa đường, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện. Thấy vậy, Tuấn A nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên và nói với D "xe vẫn cắm chìa khóa, quay lại lấy trộm", D đồng ý và đỗ xe lại. Quan sát không có người, Tuấn A xuống xe rồi đi bộ ra vị trí chiếc xe BKS 98B2-245.96, ngồi lên xe, nổ máy trộm cắp chiếc xe mô tô trên của chị H còn D điều khiển xe mô tô đi theo sau. Khi về đến nhà D thì D ở nhà còn Tuấn A mang xe vừa trộm

cắp được đi tiêu thụ. Khi Tuấn A ra cổng chợ Neo cũ thuộc thị trấn N, huyện YD, tỉnh BG thì gặp đối tượng tên D1 (Tuấn A khai D1 là bạn quen biết xã hội không rõ thông tin, địa chỉ). Tại đây, Tuấn A cầm cố cho D1 chiếc xe BKS 98B2-245.96 được số tiền 5.000.000 đồng, D1 trừ tiền lãi 500.000 đồng rồi đưa cho Tuấn A 4.500.000 đồng. Khi gặp D, Tuấn A nói cầm cố được 3.600.000 đồng rồi chia cho D 1.600.000 đồng rồi Tuấn A đi về nhà. Cùng ngày chị Nguyễn Thị H làm đơn trình báo. Ngày 27/4/2020, chị D Thị Thắm, sinh năm 1993 ở thôn C, xã Y, huyện LN giao nộp 02 bức ảnh chụp được từ camera an ninh của gia đình thể hiện vào 08 giờ 49 phút 47 giây ngày 07/5/2020 có 02 đối tượng điều khiển 02 xe mô tô đi qua cửa nhà chị cho Cơ quan điều tra.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 23/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lục Nam, kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE, màu sơn xanh, đen, bạc có trị giá 9.500.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã dẫn giải Trần Văn D và Nguyễn Tuấn A đi chỉ xác định vị trí trộm cắp BKS 98B2-245.96. Kết quả Trần Văn D và Nguyễn Tuấn A chỉ xác định đúng vị trí đã trộm cắp xe mô BKS 98B2-245.96, phù hợp với lời khai của bị hại và với hiện trường vụ án.

Cơ quan điều tra đã cho bị cáo D, Tuấn A cùng chị Nguyễn Thị H xem lại 02 bức ảnh do chị D Thị Thắm giao nộp, kết quả: Chị H, bị cáo D, Tuấn A xác định xe mô tô trong ảnh là xe bị trộm cắp và Tuấn A là người điều khiển xe mô tô trên.

Ngày 24/8/2020, bà Trần Thị P, sinh năm 1968, trú tại tổ dân phố M, thị trấn N, huyện YD, tỉnh BG (là mẹ đẻ của Nguyễn Tuấn A) đã tự nguyện bồi thường cho chị Nguyễn Thị H số tiền 9.500.000 đồng thay cho Nguyễn Tuấn A và Trần Văn D. Chị H đã nhận đủ số tiền trên và không đề nghị bồi thường gì thêm.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Angel, BKS 98H9-4148 mà Nguyễn Tuấn A và Trần Văn D dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra xác định là xe chị Trần Thanh H, sinh năm 1980 là dì của Nguyễn Tuấn A và Trần Văn D để nhờ ở nhà D để đi làm công ty. Khi Tuấn A và D lấy làm phương tiện đi trộm cắp thì chị Hảo không biết nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Vụ thứ hai: Khoảng 07 giờ ngày 03/6/2020, Nguyễn Tuấn A đi xe mô tô Dream, BKS 16H3-4302, số khung RLHHA0803AY028978, số máy HA08E-1328938 sang nhà Trần Văn D chơi. Sau đó D nhờ Tuấn A đưa sang nhà mẹ vợ D ở thôn C, xã T, huyện LN, Tuấn A đồng ý. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, khi đi đến đoạn đường cánh đồng Đồng Súng thuộc thôn A, xã K, huyện LN thì D phát hiện thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe AIRBLALE, màu đỏ, trắng, đen, BKS 98B1-671.78 của anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1972, trú tại thôn A, xã K, huyện LN đang dựng ờ rìa đường. D nói với Tuấn A "xe kia vẫn cắm chìa khóa, quay lại lấy", Tuấn A đồng ý rồi đỗ lại cách xe mô tô BKS 98B1-671.78 khoảng 5m. Quan sát không có người, D xuống xe đi bộ ra vị trí để chiếc xe mô tô BKS 98B1-671.78 rồi ngồi lên xe, mở khóa điện nổ máy đi. Đúng lúc này anh N phát hiện nên đã tri hô cùng quần chúng nhân dân đuổi bắt được Trần Văn D và Nguyễn Tuấn A. Do bức xúc nên người dân đã đốt chiếc xe BKS 16H3-4302 của D và Tuấn A (không xác định được ai đốt). Sau đó anh N

trình báo Cơ quan điều tra Công an huyện Lục Nam đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ:

- 01 xe mô tô Dream, số khung RLHHA0803AY028978, số máy HA08E-1328938 cùng BKS16H3-4302 bị cháy.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe AIRBLALE, màu đỏ, trắng, đen, BKS 98B1-671.78.

Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Văn D và Nguyễn Tuấn A nhưng không phát hiện thu giữ gì.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 08/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lục Nam, kết luận: 01 chiếc xe mô tô HONDA, loại xe AIRBLADE, màu đỏ, trắng, đen có trị giá là 12.360.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Văn D và Nguyễn Tuấn A đã đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản xảy ra ngày 07/5/2020 tại thôn L, xã L, huyện LN, tỉnh BG như đã nêu ở trên.

Ngày 22/7/2020, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại 01 chiếc xe HONDA, loại xe AIRBLADE, màu đỏ, trắng, đen, BKS 98B1-671.78 cho anh Nguyễn Văn N. Anh N đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Đối với chiếc xe mô tô Dream, BKS 16H3-4302 mà Nguyễn Tuấn A, Trần Văn D dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản ngày 03/6/2020, Nguyễn Tuấn A khai chiếc xe này do Tuấn A mua lại từ một người không rõ tên, tuổi, địa chỉ từ khoảng tháng 5/2020 với số tiền 2.000.000 đồng. Kết quả tra cứu vật chứng xác định chiếc xe mô tô trên không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Kết quả định giá 01 chiếc xe mô tô Dream, BKS 16H3-4302 có giá trị là 1.000.000 đồng, bản thân Tuấn A không có ý kiến đề nghị gì. Quá trình điều tra cũng không xác định được ai là người đốt chiếc xe trên nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với thương tích xây xát ngoài da của Trần Văn D và Nguyễn Tuấn, quá trình điều tra xác định là do D, Tuấn A bị ngã xe khi bị người dân đuổi bắt nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Tại Cơ quan điều tra Trần Văn D và Nguyễn Tuấn A đều thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Cáo trạng số 61/CT-VKS ngày 24/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đã truy tố bị cáo Trần Văn D và bị cáo Nguyễn Tuấn A về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Trần Văn D và bị cáo Nguyễn Tuấn A phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Trần Văn D từ 18 đến 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 03/6/2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Khoản 5 Điều 65; Điều 56;

Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Trần Văn D từ 18 đến 24 tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 12 (Mười hai) tháng tù của bản án số 60/2019/HSST ngày 07/6/2019, Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh buộc bị cáo Nguyễn Tuấn A phải chịu hình phạt chung của hai bản án từ 30 đến 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày ngày tạm giữ, tạm giam ngày 03/6/2020 nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam của bản án 60/2019/HSST ngày 07/6/2019, Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh từ ngày 08/03/2019 đến ngày 07/05/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS, tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 xe mô tô Dream, số khung RLHHA0803AY028978, số máy HA08E-1328938 cùng BKS16H3-4302 bị cháy.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về tiền án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm đối với bị cáo và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị P trình bày số tiền 9.500.000 đồng bà bỏ ra bồi thường cho bị hại là chị Nguyễn Thị H là tiền của bà, việc bà bồi thường cho bị hại là do các bị cáo tác động để bà bồi thường và bà không yêu cầu các bị cáo phải trả lại bà số tiền trên.

Các bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị P không ai có ý kiến gì tranh luận.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá một cách khách quan, toàn diện, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Công an huyện Lục Nam, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với bị hại, những người làm chứng trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy quá trình điều tra đã có đầy đủ lời khai lưu tại hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào Điều 292, Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

[2] Về căn cứ xác định bị cáo có tội HĐXX xét thấy: Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã khai nhận về toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng phù hợp về thời gian, không gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận: Trong các ngày 07/5/2020 và 03/6/2020, Trần Văn D và Nguyễn Tuấn A cùng nhau thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, cụ thể:

- Vụ thứ nhất: Khoảng 08 giờ ngày 07/5/2020, tại đường đê cánh đồng Dộc Tuyền thuộc thôn L, xã L, huyện LN. Nguyễn Tuấn A, Trần Văn D cùng nhau trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE, màu sơn xanh, đen, bạc, BKS 98B2-245.96 có trị giá 9.500.000 đồng của chị Nguyễn Thị H. Tài sản không thu hồi được.

- Vụ thứ hai: Khoảng 08 giờ ngày 03/6/2020 tại đường cánh đống Đồng Súng thuộc thôn A, xã K, huyện LN. Trần Văn D và Nguyễn Tuấn A cùng nhau trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe AIRBLADE, màu đỏ, trắng, đen, BKS 98B1-671.78 trị giá 12.360.000 đồng của anh Nguyễn Văn N thì bị bắt quả tang. Tài sản đã thu hồi được trả cho bị hại.

Như vậy, hành vi của bị cáo Trần Văn D và bị cáo Nguyễn Tuấn A đủ yếu tố cấu thành của tội Trộm cắp tài sản. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người đủ tuổi, đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Việc các bị cáo bị truy tố, xét xử ngày hôm nay với tội danh và điều luật viện dẫn ở trên là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo không có ý thức phấn đấu, lười lao động, thích hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác, lợi dụng sơ hở của người khác để chiếm đoạt tài sản nhằm phục vụ cho bản thân. Do đó cần phải xử lý về hình sự để giáo dục các bị cáo trở thành công dân biết tuân thủ pháp luật.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo HĐXX thấy:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Văn D và bị cáo Nguyễn Tuấn A có hai tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự và phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo sau khi phạm tội đã ra đầu thú, các bị cáo đã tác động để bà Trần Thị P đứng ra bồi thường cho bị hại là chị Nguyễn Thị H thay các bị cáo số tiền là 9.500.000 đồng, nên HĐXX thấy cần áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho các bị cáo khi lượng hình thể hiện sự khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân xấu.

Từ những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của

bị cáo nêu trên. HĐXX xét thấy các bị cáo có nhân thân xấu, bản thân bị cáo đã bị kết tội về các tội xâm phạm sở hữu, nhưng bị cáo không lấy đây làm bài học để tu dưỡng rèn luyện, nay bị cáo tiếp tục tái phạm do vậy cần phải xử nghiêm đối với bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo và cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian cần thiết để giáo dục riêng đối với bị cáo và góp phần răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Tại Bản án số 60/2019/HSST ngày 07/6/2019, Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn A 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, về tội "Trộm cắp tài sản" (là xe mô tô trị giá 18.219.320 đồng). Bị cáo Nguyễn Tuấn A phạm tội mới trong thời gian thử thách của bản án số 60/2019/HSST ngày 07/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, nên HĐXX thấy cần áp dụng khoản 5 Điều 65 BLHS và Điều 56 BLHS để tổng hợp hình phạt chung của hai bản án đối với bị cáo Tuấn A.

Do các bị cáo đang bị tạm giam nên HĐXX Quyết định tạm giam bị cáo theo quy định tại Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Về hình phạt bổ sung bằng tiền: Do các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên HĐXX thấy không cần áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự để phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[5] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo Trần Văn D và Nguyễn Tuấn A cùng thực hiện một hành vi phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm nhưng ở mức độ giản đơn. Trong vụ án các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công, phân nhiệm gì, vai trò của các bị cáo trong vụ án là ngang nhau đều là người khởi xướng và người thực hành. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt đối với hai bị cáo là ngang nhau.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Ngày 24/8/2020, bà Trần Thị P, sinh năm 1968, trú tại tổ dân phố M, thị trấn N, huyện YD, tỉnh BG (là mẹ đẻ của Nguyễn Tuấn A) đã tự nguyện bồi thường cho chị Nguyễn Thị H số tiền 9.500.000 đồng thay cho Nguyễn Tuấn A và Trần Văn D. Chị H đã nhận đủ số tiền trên và không đề nghị bồi thường gì thêm. Bà P không yêu cầu các bị cáo phải trả lại bà số tiền bà đã bỏ ra để bồi thường cho chị H, do đó, HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Bị hại là anh Nguyễn Văn N đã nhận lại tài sản là 01 chiếc xe HONDA, loại xe AIRBLADE, màu đỏ, trắng, đen, BKS 98B1-671.78, anh N không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô Dream, số khung RLHHA0803AY028978, số máy HA08E-1328938 cùng BKS16H3-4302 bị cháy đây là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội, nên HĐXX thấy cần áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS để tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[8] Đối với chiếc xe mô tô Dream, BKS 16H3-4302 mà Nguyễn Tuấn A, Trần Văn D dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản ngày 03/6/2020, Nguyễn Tuấn A khai chiếc xe này do Tuấn A mua lại từ một người không rõ tên, tuổi, địa chỉ từ khoảng tháng 5/2020 với số tiền 2.000.000 đồng. Kết quả tra cứu vật chứng xác định chiếc xe mô tô trên không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Kết

quả định giá 01 chiếc xe mô tô Dream, BKS 16H3-4302 có giá trị là 1.000.000 đồng, bản thân Tuấn A không có ý kiến đề nghị gì. Quá trình điều tra cũng không xác định được ai là người đốt chiếc xe trên nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Do đó, HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với thương tích xây xát ngoài da của Trần Văn D và Nguyễn Tuấn, quá trình điều tra xác định là do D, Tuấn A bị ngã xe khi bị người dân đuổi bắt nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Do đó, HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết

[9] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Văn D phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Do bị cáo Nguyễn Tuấn A thuộc hộ nghèo nên áp dụng Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Tuấn A không phải chịu án phí.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn D và bị cáo Nguyễn Tuấn A phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Văn D 24 (Hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 03/6/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; khoản 5 Điều 65; Điều 17; Điều 58; Điều 56; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn A 24 (Hai mươi tư) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 12 (Mười hai) tháng tù của bản án số 60/2019/HSST ngày 07/6/2019, Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh buộc bị cáo Nguyễn Tuấn A phải chịu hình phạt chung của hai bản án là 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày ngày tạm giữ, tạm giam ngày 03/6/2020 nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam của bản án 60/2019/HSST ngày 07/6/2019, Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh từ ngày 08/03/2019 đến ngày 07/05/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 xe mô tô Dream, số khung

RLHHA0803AY028978, số máy HA08E-1328938 cùng BKS16H3-4302 bị cháy.

3. Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 12; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Văn D phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Bị cáo Nguyễn Tuấn A không phải chịu án phí HSST

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Công an huyện Lục Nam;
- Bị cáo;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HĐXX SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Công Định

THÀNH VIÊN HĐXX **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến – Nguyễn Tiến Chỉnh **Đặng Công Định**